TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 3 – 2025
"V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và bà Bùi Thị Thêm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Y Lương Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2024 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Bá T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Bá T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2006 tại UBND xã T, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Việc đăng ký kết hôn

là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình. Từ năm 2023 vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, nên bà M đề nghị Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông T.

Về con chung, bà M và ông T có 04 người con chung họ tên các con là Võ Đức T, sinh ngày 14/9/2006; Võ Thị Phương T1, sinh ngày 30/7/2008; Võ Thị Diệu L, sinh ngày 12/3/2014; Võ Tuệ N, sinh ngày 05/11/2019. Hiện nay Võ Đức T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Ba con còn lại bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà M có nguyện vọng xin nhận quyền nuôi 03 con đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho mỗi con là 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung, bà M không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Bá T trình bày:*

Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M là hoàn toàn tự nguyện, được đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 04/9/2006 tại UBND xã T, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến nay. Hiện tại ông T và bà M vẫn sống chung với nhau. Tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông T vẫn còn hạnh phúc, vợ chồng vẫn còn nhau quan tâm, chăm sóc cho con cái. Ông T không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà M.

Về con chung, ông T và bà M có 04 con chung giống như ý kiến trình bày của bà M, 01 con đã trưởng thành. Hiện tại ông T và bà M đang trực tiếp nuôi 03 con chung chưa đủ 18 tuổi. Do không đồng ý ly hôn nên ông T không yêu cầu giải quyết về con cái cũng như về tài sản chung và nợ chung.

** Người làm chứng là bà Nguyễn Thị H trình bày:* Trong quá trình chung sống, bà H là hàng xóm sống gần nhà của ông T, bà M nhưng không thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, to tiếng. Còn trong nội bộ gia đình ông T, bà M có xảy ra mâu thuẫn hay không bà H không rõ. Hiện tại bà M và ông T vẫn đang sống chung với nhau.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp

nhận, đề nghị Tòa án cho bà Nguyễn Thị M và ông Võ Bá T được ly hôn với nhau. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị M nuôi con Võ Thị Phương T1, sinh ngày 30/7/2008; Võ Thị Diệu L, sinh ngày 12/3/2014; Võ Tuệ N, sinh ngày 05/11/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Võ Bá T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho bà M là 6.000.000 đồng. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Võ Bá T vào ngày 04/9/2006 tại UBND xã T, huyện TC, tỉnh Nghệ An trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà M cho rằng quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đánh đập bà M. Ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chung thủy với bà M, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn.

Qua xác minh, địa phương và người làm chứng không chứng kiến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà M, tuy nhiên qua làm việc với con chung của bà M và ông T, con chung xác nhận trong gia đình giữa ông T và bà M có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T uống rượu, bia về nhà chửi mắng, dọa nạt vợ con. Ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M là có căn cứ để chấp nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Võ Bá T.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Bá T có 04 con chung tên

là Võ Đức T, sinh ngày 14/9/2006; Võ Thị Phương T1, sinh ngày 30/7/2008; Võ Thị Diệu L, sinh ngày 12/3/2014; Võ Tuệ N, sinh ngày 05/11/2019. Đối với Võ Đức T, sinh ngày 14/9/2006 đã đủ 18 tuổi không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng, nên không xem xét giải quyết. 03 con chung chưa đến tuổi trưởng thành, hiện nay bà M đang chăm sóc. Các con có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Xét thấy, yêu cầu của bà M và nguyện vọng của các con là chính đáng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con, cũng như tránh ảnh hưởng đến tâm, sinh lý của các con sau này, HĐXX cần tiếp tục giao con chung cho bà M nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn.

[4] Về cấp dưỡng: Thu nhập bình quân lao động tại thôn 8, xã C là 220.000 đồng/người/ngày (6.600.000 đồng/người/tháng). Tuy nhiên, ông T xác nhận thu nhập lao động bình quân hàng tháng của ông T là 12.000.000 đồng – 15.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, số tiền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà M đối với ông T là 2.000.000 đồng/con/tháng là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, HĐXX cần buộc ông T phải cấp dưỡng cho bà M số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Võ Bá T.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con Võ Thị Phương T1, sinh ngày 30/7/2008; Võ Thị Diệu L, sinh ngày 12/3/2014 và Võ Tuệ N, sinh ngày 05/11/2019 cho bà Nguyễn Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2.2. Về cấp dưỡng: Buộc ông Võ Bá T phải cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung hàng tháng cho bà Nguyễn Thị M là 2.000.000 đồng/con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/4/2005.

3. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2023/0008874 ngày 09/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Võ Bá T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T,
huyện TC, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Võ Đức Hợi